

Bản án số: 16/2026/HS-ST
Ngày 25-03-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Trần Xuân Đạt.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Trần Thị Kim Phụng.
Bà: Triệu Thị L.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Kim Huệ - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 4-Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4-Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Bùi Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 4-Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2026/TLST-HS ngày 11/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HS ngày 10/03/2026 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Thèn Văn L1; sinh ngày 27/05/2007; tại: Xã V, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn K, xã V, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; chức vụ, Đoàn thể, Đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; số CCCD: XXX, do: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C4 cấp ngày 04/09/2021; con ông Thèn Văn T, sinh năm 1972 và con bà Giảng Thị C, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Có 01 tiền án bị Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ) xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội Cố ý gây thương tích tại Bản án số 26/2025/HS-ST ngày 25/06/2025.

Tiền sự: Có 01 tiền sự bị Công an xã V, tỉnh Tuyên Quang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPVPHC ngày 07/10/2025 về Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với mức phạt 1.500.000 đồng.

Ngày 16/10/2025 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T thực hiện lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra lệnh tạm giam để điều tra về tội Trộm cắp tài sản. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Thèn Văn L1: Ông Âu Đức N, sinh năm 1984. Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T7 tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Bị cáo: Hoàng Văn T1; sinh ngày 27/12/1997 tại xã V, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn N, xã V, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; số CCCD: XXX; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội **Bộ C4** cấp ngày 16/04/2021; con ông **Hoàng Văn L2**, sinh năm: 1976 và con bà **Lý Thị T2**, sinh năm: 1969; vợ con: Chưa có;

Tiền án: **Có 01 tiền án** năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ) tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội Hủy hoại tài sản tại Bản án số 30/2022/HSST ngày 09/11/2022. **Sau khi** chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương **Hoàng Văn T1** chưa thi hành xong phần trách nhiệm dân sự. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo **Hoàng Văn T1**: Bà **Trần Thị L3**, sinh năm 1989. Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm T7**, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- Các bị hại:

+ Anh **Ban Văn T3**, sinh năm: 1976, nơi cư trú: **Thôn A, xã V, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt)**.

+ **Chị Lục Thị Kim D**, sinh năm: 1986, trú tại: **Thôn A, xã V, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt)**.

+ Ông **Hoàng Lao T4**, sinh năm 1976, trú tại: **Thôn N, xã H, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt)**.

+ Ông **Lù Quang T5**, sinh năm 1951, trú tại: **Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt)**.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+Anh **Nguyễn Văn C1**, sinh năm 1988; địa chỉ: **Thôn A, xã V, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt)**.

+Anh **Trần Văn T6**, sinh năm 1997; địa chỉ: **Thôn B, xã V, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt)**.

+Anh **Thần Văn P**, sinh năm 1993; địa chỉ: **Thôn K, xã V, tỉnh Tuyên Quang. (có mặt)**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 10/2025, bị cáo **Thần Văn L1** đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 01(một) lần bị cáo **L1** cùng với bị cáo **Hoàng Văn T1** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần 1: Trưa ngày 30/9/2025, **Thần Văn L1** một mình đi bộ vào **Bệnh viện P1** thuộc **thôn C, xã V, tỉnh Tuyên Quang** mục đích để trộm cắp tài sản. Đến nơi, **L1** đi lên tầng 2 nhà điều trị, khi đến phòng số 8 là phòng ở và làm việc của ông **Ban Văn T3**, thấy cửa phòng mở, trong phòng thấy không có ai và trên bàn làm việc có để 01 chiếc Laptop nhãn hiệu DELL VOSTRO màu đen nên **L1** đi vào phòng lấy chiếc Laptop cho vào trước bụng phía trong áo, sau đó đi ra cổng. Khi ra đến cổng bệnh viện, **L1** có đi nhờ xe máy của một người đàn ông không quen biết đến km27 **Quốc lộ B**, thuộc địa phận **xã V, tỉnh Tuyên Quang** thì xuống xe.

Sau khi xuống xe, L1 quan sát thấy có cửa hàng mua bán, sửa chữa máy tính, điện thoại Minh C2. L1 đi vào và gặp chủ cửa hàng là anh Trần Văn T6, L1 hỏi anh T6 “có mua laptop không” đồng thời đưa chiếc Laptop vừa trộm cắp được cho anh T6, T6 bật máy xem thấy không cài mật khẩu và hỏi L1 về nguồn gốc máy tính, được L1 cho biết là của L1 nhưng không dùng nữa nên bán, T6 đồng ý mua với giá 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng), đồng thời bảo L1 đưa căn cước công dân để lập giấy mua bán nhưng L1 nói không mang theo và bảo chiều sẽ đem đến và lập giấy mua bán sau, T6 đồng ý và đưa cho L1 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi bán xong, L1 đến quán “C1 game” chơi điện tử hết số tiền 55.000 đồng (Năm mươi lăm nghìn đồng). Đến khoảng 13 giờ cùng ngày L1 về nhà.

Sau khi phát hiện mất chiếc Laptop, ông Ban Văn T3 đã trình báo Công an xã V, qua xác minh Công an xã V đã triệu tập L1 đến làm việc, L1 đã thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc laptop của ông T3 và bán tại cửa hàng M, Công an xã V đã tiến hành thu giữ chiếc máy tính laptop và tiền bán máy tính theo quy định.

Lần 2: Sáng 13/10/2025, khi Thèn Văn L1 đang chơi ở nhà Thèn Văn P (trú cùng thôn với L1, là anh con bác của L1) thì P có hỏi và đề nghị L1 trả lại chiếc điện thoại di động Iphone 6 mà trước đó L1 mượn của con trai P là Thèn Trọng C3. Tuy nhiên do đã làm mất điện thoại của C3 nên L1 nảy sinh ý định đến Bệnh viện Đ, tỉnh Tuyên Quang trộm cắp tài sản bán lấy tiền để trả cho P. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, L1 có nhờ P đưa L1 đến Bệnh viện Đ để thăm một người bạn của L1 đang điều trị tại Bệnh viện, P đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14B1-728.65 của mình đưa L1 đến cổng Bệnh viện Đ, lúc này khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, L1 bảo P ở cổng bệnh viện đợi, còn L1 một mình đi vào khu vực tầng 1 của khoa Phụ sản, L1 thấy buồng 107 vẫn bật điện sáng và cửa phòng mở, L1 nhìn vào trong phòng có 02 giường và tại giường phía trong có 01 bệnh nhân đang nằm ngủ, L1 quan sát thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 để trên thành cửa sổ phía cửa ra vào, đang cắm sạc, L1 đi vào dùng tay trái cầm lấy chiếc điện thoại, tay phải rút sạc điện thoại. Sau đó đi thẳng ra cổng và mở máy điện thoại để kiểm tra nhưng không mở được do điện thoại cài mật khẩu. L1 đi ra cổng viện rồi cùng P đi về, trên đường về L1 không nói cho P biết về việc lấy trộm được chiếc điện thoại trên, sau đó cả hai về nhà P ngủ. Đến sáng ngày 14/10/2025, P thấy L1 có chiếc điện thoại Iphone 11 nên hỏi L1 “điện thoại này của mày à?” L1 trả lời “vâng”. P xem thấy điện thoại bị khóa, P hỏi thì được L1 cho biết chiếc điện thoại này L1 mua từ lâu và do nhập nhầm mật khẩu nên đã bị khóa không mở được. Do L1 chưa trả điện thoại cho con trai P nên P bảo L1 “nếu chưa có tiền để đền cho C3 thì tao giữ chiếc điện thoại này”, L1 đồng ý và bảo “điện thoại bị khóa giờ không dùng được, anh đi thuê phá mật khẩu nếu phá được thì bán lấy tiền đền cho C3”, P đồng ý. Sáng ngày 15/10/2025, P mang điện thoại trên đến cửa hàng mua bán điện thoại Hoan Huyền tại Thôn V, xã V, tỉnh Tuyên Quang, do anh Chu Văn H làm chủ để nhờ phá mật khẩu, tuy nhiên không phá được mật khẩu và anh H không mua nên P cầm điện thoại đi đến quán mua bán, sửa chữa điện

thoại của anh Nguyễn Văn C1, thuộc tổ C, xã V, tỉnh Tuyên Quang để tiếp tục thuê phá mật khẩu điện thoại. Đến nơi, P gặp C1 và cũng được C1 cho biết không phá được mật khẩu nên P hỏi C1 có mua điện thoại không, C1 đồng ý mua với giá 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). P đồng ý bán rồi nhận tiền đi về.

Lần 3: Khoảng 09 giờ ngày 16/10/2025, Thèn Văn L1 đi bộ đến nhà Thèn Văn P chơi. Sau đó có gặp Hoàng Văn T1, đi bằng xe mô tô cũng đến nhà P chơi. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày P, L1 cùng T1 ra ngã ba chợ V.

Sau khi đến chợ N1 chơi uống nước, L1 nảy sinh ý định đi lên các Bệnh viện trên địa bàn phường H, tỉnh Tuyên Quang để trộm cắp tài sản, do không có xe đi nên L1 có nói với T1 là đưa L1 đi đến Bệnh viện P2 lấy thuốc, L1 sẽ trả tiền công và tiền xăng xe, T1 đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 23H5-4717 đưa L1 đi. Trên đường đi đến km17 Quốc lộ B, thuộc xã V, tỉnh Tuyên Quang thì L1 nói cho T1 biết không phải L1 đến Bệnh viện P2 để lấy thuốc mà mục đích là đi đến đó xem có bệnh nhân, người nhà bệnh nhân ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp, đồng thời rủ T1 tham gia trộm cắp cùng. Thấy L1 nói vậy nên T1 có nói với L1 “sao lúc này mày không nói trước”, L1 nói “không sợ đâu tội đâu tao chịu, mày chỉ ở ngoài công đợi tao thôi”. T1 đồng ý và nói “nếu lấy trộm được thì mày phải chia cho tao”, L1 đồng ý. Sau đó T1 tiếp tục điều khiển xe đèo L1 đi theo Quốc lộ B đến thẳng Bệnh viện P2.

Khoảng 19 giờ cùng ngày thì đến nơi, T1 dừng xe rồi đứng ngoài cổng đợi, còn L1 một mình đi thẳng vào dãy nhà B quan sát. Lúc này, L1 thấy phòng số 02 (ở tầng 1 của dãy nhà B) cửa mở và có ánh điện sáng. L1 đi thẳng đến cửa phòng rồi nhìn vào trong thấy trong phòng có 05 giường, tại giường bệnh số 2 có một người đàn ông đang nằm ngủ quay mặt vào tường nhà, phía sau lưng có 01 chiếc điện thoại di động. L1 đi vào rồi lấy trộm chiếc điện thoại trên và đút vào túi quần bên phải rồi đi ra cổng bệnh viện gặp T1 và nói cho T1 biết đã trộm cắp được 01 chiếc điện thoại, đồng thời đưa chiếc điện thoại cho T1 xem, cả hai nhận ra chiếc điện thoại trên có nhãn hiệu VIVO Y71A. Sau đó L1 cất điện thoại vào túi quần rồi bảo T1 tiếp tục đưa L1 đến Bệnh viện P2, đến nơi T1 vào quán nước ở trước cổng Bệnh viện Mắt ngồi đợi, còn L1 một mình đi vào trong Bệnh viện P2, lúc này là khoảng 20 giờ cùng ngày. L1 đi vào trong khu vực các buồng bệnh nhưng không trộm cắp được tài sản gì nên quay ra quán bảo T1 ngồi đợi để L1 vào Bệnh viện Mắt trộm cắp tài sản, T1 đồng ý.

Sau đó, L1 tiếp tục vào trong Bệnh viện M1 rồi đi lên khoa điều trị tổng hợp ở tầng 2 thấy cửa phòng B205, B bệnh 7 cửa mở nhưng trong phòng không bật điện, L1 đến cửa phòng nhìn vào thì thấy tại giường bệnh ngay gần cửa ra vào có 02 người đang nằm. Lợi quan sát thấy trên nóc chiếc tủ sắt đựng đồ của bệnh nhân kê ngay phía bên trái cửa ra vào có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18 đang được cắm sạc, L1 đi vào trong phòng định trộm cắp chiếc điện thoại này nhưng đúng lúc đó người đàn ông cử động nên L1 không dám lấy ngay. L1 đến ngồi lên chiếc giường kê bên trái ngay cửa ra vào phòng rồi lấy chiếc điện thoại VIVO Y71A mà trước đó vừa trộm cắp được ở Bệnh viện Lao

ra giả vờ mở xem. Khoảng 02 phút sau, L1 thấy người đàn ông nằm im nên nghĩ họ đã ngủ. Lúc này L1 đứng dậy đến vị trí tủ đựng đồ rồi dùng tay phải cầm lấy chiếc điện thoại OPPO A18 còn tay trái rút sạc điện thoại ra, nhưng khi vừa rút được sạc ra thì bị phát hiện, truy hô. L1 liền cầm chiếc điện thoại OPPO A18 bỏ chạy qua cổng chính Bệnh viện Mắt ra ngoài thì bị mọi người truy đuổi bắt giữ L1 cùng toàn bộ tang vật vụ án.

Về phía Hoàng Văn T1, thấy L1 bị mọi người truy đuổi, bắt giữ đã điều khiển xe máy đi một mình về nhà Thèn Văn P ngủ. T1 không nói cho P biết việc cùng L1 đi trộm cắp tài sản và bị bắt.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 05/11/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự phường H kết luận:

01 chiếc Laptop nhãn hiệu DELL VOSTRO có giá trị tại thời điểm định giá là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 màu trắng có giá trị tại thời điểm định giá là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO Y71A màu Vàng đồng có giá trị tại thời điểm định giá là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng)

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A18 màu xanh, có giá trị tại thời điểm định giá là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng trị giá tài sản bị cáo Thèn Văn L1 chiếm đoạt được của các bị hại là 8.100.000 đồng (Tám triệu một trăm nghìn đồng).

Bị cáo Hoàng Văn T1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Thèn Văn L1 với vai trò giúp sức, đưa bị cáo L1 đến các Bệnh viện để L1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 chiếc điện thoại có tổng trị giá tài sản là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Ngày 16/10/2025 sau khi lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra về tội Trộm cắp tài sản với bị cáo Thèn Văn L1 và Hoàng Văn T1 xảy ra tại xã V và địa bàn phường H, thuộc tỉnh Tuyên Quang. ngày 11/11/2025 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra Quyết định nhập vụ án hình sự số B563/QĐ-VPCQCSĐT để điều tra về hành vi Trộm cắp tài sản đối với Thèn Văn L1 và Hoàng Văn T1.

Tại biên bản xác định hiện trường bị cáo và các bị hại chỉ dẫn các vị trí các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai có trong hồ sơ.

Tang vật vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã thu giữ những vật chứng sau:

- 01 (một) chiếc laptop nhãn hiệu DELL VOSTRO, màu đen; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18, màu xanh dương; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y71A, màu vàng;

- 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy số 0004222, mang tên ông **Lê Duy S**, sinh năm 1950; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu WAVE, màu sơn xanh, biển kiểm soát 23H5-4171; số máy: 6316602; số khung 09026Y316426.

- Số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) do **Thên Văn P** nộp.

- Số tiền 495.000 đồng (bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) do **Thên Văn L1** nộp.

Xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định cụ thể:

Trả 01 chiếc Laptop nhãn hiệu DELL VOSTRO, màu đen cho anh **Ban Văn T3**; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11, màu trắng cho chị **Lục Thị Kim D**; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO Y71A, màu vàng cho ông **Hoàng Lao T4** và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A18, màu xanh dương cho ông **Lù Quang T5**.

Trả 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy số 0004222, mang tên ông **Lê Duy S**; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu WAVE, màu sơn xanh, biển kiểm soát 23H5-4171; số máy: 6316602; số khung 09026Y316426 cho ông **Lê Duy S**.

Đối với số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) là tiền bán điện thoại Iphone 11 do **Thên Văn P** giao nộp và số tiền 495.000 đồng (bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) do **Thên Văn L1** giao nộp, Cơ quan Điều tra đã tiến hành trả cho ông **Nguyễn Văn C1** và **Trần Văn T6** theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: - Theo tài liệu trong hồ sơ các bị hại ông **Ban Văn T3**, ông **Hoàng Lao T4**, ông **Lù Quang T5** và chị **Lục Thị Kim D** xác nhận đã được nhận lại đúng tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh **Nguyễn Văn C1**, **Trần Văn T6** đã nhận lại số tiền, không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự. **Thên Văn P** không có yêu cầu gì về số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) bán điện thoại Iphone 11 đã giao nộp.

Tại bản cáo trạng số **30/CT-VKS-VX** ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 4-Tuyên Quang, truy tố bị cáo **Thên Văn L1** và **Hoàng Văn T1** về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 4-Tuyên Quang thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo **Thên Văn L1** và **Hoàng Văn T1** phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1, Điều 173 BLHS; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm **g, h** khoản 1, Điều 52; Điều 58 xử phạt bị cáo **Thên Văn L1** từ 18 tháng đến 20 tháng tù.

Áp dụng điểm **a** khoản 1, Điều 55; khoản 2 Điều 56; khoản 5, Điều 65 BLHS để tổng hợp với phần hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 26/2025/HS-ST ngày 25/6/2025 của TAND huyện Vị Xuyên (cũ) là 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Buộc bị cáo **L1** phải chấp hành hình phạt chung của

hai bản án là từ 42 tháng đến 44 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173 BLHS; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1, Điều 52; Điều 58 xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T1** từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, do các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định.

Về vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: không.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 12, Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phần tranh luận:

Người bào chữa cho bị cáo **Thần Văn L1**: Ông **Ấu Đức N** nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo **Thần Văn L1** phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo **Thần Văn L1** với mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp hành vi phạm tội của bị cáo. Trách nhiệm dân sự không yêu cầu giải quyết. Đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo. Ngoài ra không đề nghị gì thêm

Bị cáo **Thần Văn L1** thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có tranh luận gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo **Hoàng Văn T1**: Bà **Trần Thị L3** nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo **Hoàng Văn T1** về tội danh và hình phạt, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T1** với mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu. Đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo. Ngoài ra không đề nghị gì thêm

Bị cáo **Hoàng Văn T1** thừa nhận hành vi phạm tội của mình và nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không có tranh luận gì thêm.

Những người bào chữa và các bị cáo không tranh luận gì thêm với VKS.

Bị cáo **Thần Văn L1**, **Hoàng Văn T1** thực hiện quyền nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh T**, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4-Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai trong hồ sơ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các tài sản là tiền và vật chứng liên quan đã được Cơ quan điều tra trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp theo quy định; các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có đề nghị bồi thường, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến giải quyết vụ án. Kiểm sát viên và các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. HĐXX theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại; phù hợp với biên bản xác định hiện trường và vật chứng thu giữ được, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 10/2025, bị cáo **Thần Văn L1** đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, quá trình phạm tội tổng trị giá tài sản bị cáo **Thần Văn L1** chiếm đoạt được của các bị hại được định giá là 8.100.000 đồng (*Tám triệu một trăm nghìn đồng*). Bị cáo **Hoàng Văn T1** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với **Thần Văn L1** với vai trò giúp sức để bị cáo **L1** trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản là 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*) Hành vi Trộm cắp tài sản của **Thần Văn L1** và **Hoàng Văn T1** đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của các bị hại đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong đó bị cáo **L1** đã một mình thực hiện lấy trộm 01 chiếc Laptop nhãn hiệu DELL VOSTRO màu đen, của

anh Ban Văn T3; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 của chị Lục Thị Kim D; đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO Y71A của ông Hoàng Lao T4 và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A18 của ông Lù Quang T5 do bị cáo L1 thực hiện việc trộm cắp với sự giúp sức với vai trò đồng phạm của bị cáo T1. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện để hiểu và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là hành vi sai trái, vi phạm pháp luật nhưng do lười nhác lao động, lại muốn có tiền tiêu sài cá nhân một cách nhanh chóng nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo L1 đã chiếm đoạt tài sản có trị giá 8.100.000 đồng; bị cáo T1 tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo L1 trộm cắp tài sản có trị giá 2.100.000 đồng. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025. HĐXX căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, giá trị tài sản các bị cáo phạm tội để có mức án đủ nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt cho xã hội và có tác dụng giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Xét về vai trò phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, không phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo, cũng không có sự phân chia quyền lợi cụ thể. Quá trình phạm tội bị cáo Thèn Văn L1 là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản có trị giá 8.100.000 đồng ngoài ra bị cáo L1 cũng là người rủ bị cáo T1 tham gia trộm cắp tài sản với vai trò đồng phạm cùng L1 phạm tội. Đối với bị cáo Hoàng Văn T1 là người tiếp nhận và thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức, đưa bị cáo L1 đến các bệnh viện để bị cáo L1 thực hiện việc trộm cắp. Bị cáo T1 tham gia giúp sức cho L1 trộm cắp tài sản có giá trị là 2.100.000 đồng. Như vậy bị cáo L1 là người chủ động nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội với giá trị đủ điều kiện khởi tố nhưng chưa phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình, giá trị tài sản bị cáo L1 chiếm đoạt có giá trị lớn hơn so với bị cáo T1 do đó bị cáo L1 phải chịu mức hình phạt với mức án cao hơn bị cáo T1. HĐXX cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6.1] Bị cáo Thèn Văn L1, đang phải chấp hành hình phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo theo quyết định tại bản án số 26/2025/HS-ST ngày 25/6/2025, bị cáo không lấy đó là bài học lại liên tục nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý về tội Trộm cắp tài sản, trong đó có hai lần bị cáo lấy trộm tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng, đều chưa bị truy tố xét xử do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần và tái phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

[6.2] Bị cáo Hoàng Văn T1 có một tiền án chưa được xóa án tích, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý về tội Trộm cắp tài sản nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, là người dân tộc thiểu số. Ngoài ra bị cáo **Hoàng Văn T1** có mẹ là bà **Lý Thị T2** có thành tích trong việc tham gia dân công hỏa tuyến được ghi nhận. Nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

[8] Về nhân thân

[8.1] Bị cáo **Thần Văn L1** có nhân thân xấu có 01 tiền án đang phải chấp hành hình phạt tù 24 tháng cho hưởng án treo kể từ ngày 25/06/2025 theo quyết định của bản án sơ thẩm số 26/2025/HS-ST. Trong quá trình chấp hành án bị cáo **L1** bị **Công an xã V** điều tra về hành vi trộm cắp tài sản ngày 30/09/2025; ngày 07/10/2025 bị cáo bị **Công an xã V**, tỉnh Tuyên Quang ra quyết định xử phạt Vi phạm hành chính về Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với mức phạt 1.500.000 đồng chưa thi hành đến ngày 16/10/2025 lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị bắt quả tang, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam do đó cần có một mức án đủ nghiêm khắc, cách ly bị cáo **Thần Văn L1** một thời gian nhất định mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội. Ngoài ra theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 BLHS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025 bị cáo vi phạm tội mới trong khi chấp hành hình phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số 26/2025/HS-ST ngày 25/6/2025 của TAND huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ) do đó HĐXX buộc bị cáo **L1** phải chấp hành mức hình phạt của tội mới và tổng hợp hình phạt tại Bản án bị cáo vi phạm nghĩa vụ khi quyết định hình phạt.

[8.2] Bị cáo **Hoàng Văn T1** có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Hội đồng xét xử xem xét nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt.

[09] Biện pháp ngăn chặn:

[9.1] Bị cáo **Thần Văn L1** đang bị tạm giam, kết thúc phiên tòa bị cáo **Thần Văn L1** bị xử phạt tù. Nên tiếp tục tạm giam bị cáo theo quyết định tạm giam của HĐXX để đảm bảo thi hành án.

[9.2] Bị cáo **Hoàng Văn T1** đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nên tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của HĐXX đối với bị cáo **Hoàng Văn T1**.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện các bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, không có công việc, thu nhập ổn định.... Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại vật chứng là điện thoại và máy tính, xe máy, giấy tờ sở hữu cho chủ sở hữu hợp pháp đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Trách nhiệm dân sự: Các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sau khi nhận được tài sản không yêu cầu các bị cáo bồi thường. HĐXX không xem xét.

[13] Các hành vi đối tượng liên quan:

[13.1] Đối với **Thần Văn P**: Là người được bị cáo **L1** nhờ đưa đến **Bệnh viện Đ** để **L1** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định **P** không biết việc **L1** nhờ đưa đến đó là để **L1** trộm cắp tài sản. Do vậy Cơ quan Điều tra **Công an tỉnh T** không xem xét xử lý hình sự đối với **P** là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

[13.2] Đối với **Nguyễn Văn C1**, **Trần Văn T6**: Quá trình điều tra xác định **C1**, **T6** không biết về nguồn gốc chiếc điện thoại Iphone 11 và chiếc Laptop là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với **Nguyễn Văn C1**, **Trần Văn T6** là có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

[13.3] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo **Thần Văn L1** và bị cáo **Hoàng Văn T1**: Qua xác minh tại **Công an xã V**, tỉnh Tuyên Quang xác định **Thần Văn L1** và **Hoàng Văn T1** không thuộc đối tượng phải xử lý theo Điều 256a BLHS. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** đã chuyển tài liệu đến **Công an xã V**, tỉnh Tuyên Quang để xử lý hành chính theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

[13.4] Đối với người bán ma túy cho **Thần Văn L1**, **Hoàng Văn T1**, do không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Từ những căn cứ trên, xét thấy đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là có căn cứ được HĐXX chấp nhận. Đề nghị của Người bào chữa được HĐXX xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[15] Về án phí: Các bị cáo sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn nộp án phí. Hội đồng xét xử xét cho các bị cáo được miễn toàn bộ tiền án phí HSST.

[16] Quyền kháng cáo: Các bị cáo; các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Thần Văn L1**, **Hoàng Văn T1** phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1, Điều 55; khoản 2 Điều 56; Điều 58; khoản 5, Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025

Xử phạt bị cáo **Thần Văn L1** 19 (Mười chín) tháng tù tổng hợp với phần hình phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 26/2025/HS-ST ngày 25/6/2025 của TAND huyện Vị Xuyên (cũ). Buộc bị cáo **Thần Văn L1** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 43 (bốn mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 16/10/2025. Tiếp tục tạm giam bị cáo **Thần Văn L1** theo quyết định của HĐXX để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điều 58, của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T1** 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Cấm bị cáo **Hoàng Văn T1** đi khi nơi cư trú theo quyết định của HĐXX.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Không

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14, khoản 6, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Thần Văn L1**, **Hoàng Văn T1** được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4-Tuyên Quang
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 4-Tuyên Quang;
- Bị cáo; bị hại; người bào chữa; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.
- UBND xã Việt Lâm
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Xuân Đạt